SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CÙ LAO MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1048/TB-BVĐKKVCLM

Mỏ Cày, ngày 26 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá mua sắm thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm (lần 2) sử dụng năm 2026-2028

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán làm cơ sở mua sắm thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm (lần 2) sử dụng năm 2026-2028 tại Bệnh viện;

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có quan tâm cung cấp thông tin báo giá.

1. Thông tin mời chào giá:

- Danh mục: Chi tiết đính kèm.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 06/11/2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày phát hành.

Lưu ý: Quý Công ty gửi báo giá theo mẫu " *Bảng cung cấp thông tin và chào giá*" đính kèm.

2.Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 06/11/2026.
- Địa điểm nhận hồ sơ:

a) Nhà thầu gửi báo giá gốc về địa chỉ:

+ Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh.

+ Địa chỉ: Quốc lộ 57, ấp Tân Lộc, xã Mỏ Cày, Tỉnh Vĩnh Long.

+ Người nhận: Nguyễn Thị Ngọc Hân

+ Điện thoại: 036 477 4645

+ Hoặc nhận qua email: phongvattubvclm@gmail.com

b/ Nhà thầu quan tâm phải gửi báo giá trên trang: https://muasamcong.mpi.gov.vn/

Thông báo này được đăng tải tại: https://bvculaominh.vn,

https://muasamcong.mpi.gov.vn/.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị quan tâm;
- Tổ IT (đăng tải);
- Lưu:VT,VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ LAO MINH

Ngô Văn Tuôi

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CÙ LAO MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

(Đính kèm Thông báo số 1048 /TB-BVĐKKVCLM, ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh)

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
1	Chỉ polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone số 0 kim tròn	Chỉ tổng hợp tan trung bình, đa sợi, chất liệu 100% polyglycolic acid, có lớp bao phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 40mm phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	96
2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1	Chỉ tổng hợp tan trung bình, đa sợi, chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide (Polyglactine 910), số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn dài 40mm phủ silicon, cong 1/2 vtr. Đạt tiêu chuẩn FDA; ISO. Sản xuất tại Việt Nam	Tép	4.176
3	Chỉ khâu tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone số 2/0 kim tròn	Chỉ tổng hợp tan trung bình, đa sợi, chất liệu 100% polyglycolic acid được bọc bởi poly (epsilon-caprolactone) và Calcium stearate , số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. TCCL: CFG, ISO. Sản xuất tại Việt Nam	Tép	4.596
4	Chỉ khâu tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone số 3/0 kim tròn	Chỉ tan, đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 75 ngày, số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	192
5	Chỉ khâu tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone số 4/0 kim tròn	Chỉ tan, đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate. Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 75 ngày, số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn dài 20mm, cong 1/2vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	120

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
6	Chỉ khâu tan tổng hợp đa sợi số 3/0 kim tròn	Chỉ tổng hợp tan trung bình, đa sợi, chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide (Polyglactine 910) được bọc bởi Poly (glycolide-co-lactide) (30:70)-glacomer370, Calcium stearate, số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm phủ silicon, cong 1/2 vtr. Đạt tiêu chuẩn FDA; ISO. Sản xuất tại Việt Nam	Tép	96
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, chỉ số 1, kim khâu gan đầu tù 65mm	Chỉ tan, đa sợi polyglactin 910, số 1, chỉ dài 100cm được phủ glucolide 90% và L Lactide 10% (Glacomer 370) và calcium stearate, kim tròn đầu tù dài 65mm có phủ silicon, cong 3/8 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	24
8	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 4/0 kim tròn	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi được làm từ Polydioxanone, số 4/0 dài > 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20mm	Tép	24
9	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp (Nylon) số 10/0 kim tam giác có phủ silicon	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid 6-6.6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 2 kim hình thang dài 7mm phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	240
10	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 1/0 kim tròn đầu tròn , cong 1/2 c	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polypropylene, số 0, chỉ dài 100cm, kim tròn thân to dài 30mm phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	96
11	Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 6/0	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polypropylene, số 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn dài 13mm phủ silicon, cong 3/8 vòng tròn. Đạt ISO 13485, TCVN về chỉ phẫu thuật hoặc tương đương.	Tép	96
12	Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 7/0	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polypropylene, số 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn dài 10mm, cong 3/8 vòng tròn, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304), thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	tép	156

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
13	Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 2/0	Chỉ không tan, đơn sợi với thành phần isotactic polypropylene, số 2/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn đầu dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim thép không gỉ loại 300 series. Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Tiêu chuẩn CFG - US	Tép	432
14	Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 4/0	Chỉ không tan, đơn sợi với thành phần isotactic polypropylene, số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn dài 22mm, cong 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim thép không gỉ 300 series. Độ bền kéo nút thắt ≥12.7N. Tiêu chuẩn CFG - US	Tép	168
15	Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 5/0	Chỉ không tan, đơn sợi với thành phần isotactic polypropylene, số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn dài 18mm, cong 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim thép không gỉ 300 series. Độ bền kéo nút thắt ≥7.1N. Tiêu chuẩn CFG - US	Tép	168
16	Kim chọc dò tủy sống số 25	Đầu kim Quinke 3 mặt vát, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, cỡ 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	Cái	3.750
17	Kim chọc dò tủy sống số 20	Đầu kim Quinke 3 mặt vát, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, cỡ 20G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ G7	Cái	150
18	Kim tiêm số 18	Kim số G18. Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cây	225.000
19	Kim luồn tĩnh mạch số 18 có cửa sổ	Chất liệu FEP hoặc tương đương Kim luồn có cánh, có cửa chích thuốc. Kim bén với ba mặt vát. Có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch, máu. Kim số 18G: ~1.3x45mm , tốc độ chảy ≥ 90ml/min. có 4 đường cản quang ngầm. Thời gian lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn CE,ISO 13485	Cây	320

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
20	Kim luồn tĩnh mạch số 20 có cửa số	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 4 đường cản quang. Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt. thời gian lưu kim ≥ 72 giờ• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon. Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch. Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555). Sử dụng 1 lần. Tiệt trùng khí EO. TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu. Thông số kĩ thuật: Size kim - lưu lượng chảy: Kim 20G: 1.1x32mm - 61ml/min.	Cây	16.700
21	Kim luồn tĩnh mạch số 22 có cửa số	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 4 đường cản quang. Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt. thời gian lưu kim ≥ 72 giờ• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon. Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch. Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555). Sử dụng 1 lần. Tiệt trùng khí EO. TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu. Thông số kĩ thuật: Size kim - lưu lượng chảy: Kim 22G: 0.9x25mm - 36ml/min.	Cây	54.200
22	Kim luồn tĩnh mạch số 24 có cửa số	Chất liệu FEP hoặc tương đương Kim luồn có cánh, có cửa chích thuốc. Kim bén với ba mặt vát. Có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch, máu. Kim số 24G: ~0.7x19mm, tốc độ chảy ≥ 15ml/min;Cản quang: có 3 đường cản quang ngầm . Thời gian lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn CE,ISO 13485	Cây	21.700
23	Kim luồn tĩnh mạch số 24 không cửa số	Kim luồn tĩnh mạch an toàn. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon, lưu giữ trong mạch máu 96 giờ. Màng kị nước chống máu tràn ra ngoài khi thiết lập đường truyền. Cơ chế trào ngược 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch. Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút. Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC. ISO 10555-5. Bằng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam). Chứng nhận 510k của FDA	Cây	2.250

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
24	Kim luồn số 26	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 2 đường cản quang. Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt. Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon. Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch. Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát. Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. Kim 26G: 0.6X19mm- tốc độ chảy ≥17ml/min. Tiệt trùng khí EO. TCCL: ISO, CE.	Cây	1.100
25	Kim tiêm 26G x 1.1/2"	Đầu kim 3 mặt vát, bén dễ thâm nhập, tránh tổn thương, đường kính ngoài 0,45mm, thành kim siêu mỏng, phủ silicone, bằng thép không gỉ SUS 304. Đạt ISO 13485 và CE	Cây	3.600
26	Kim chích máu	Kim số 30G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ và tiệt trùng từng cây bằng E.O. Không độc hại, không có chất gây sốt. Quy cách: 100 cây/hộp. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Cái	20.500
27	Nút đậy kim luồn	Có cổng tiêm thuốc không chứa Latex. Có khóa vặn xoắn giúp đóng đường truyền chắc chắn và an toàn. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Cái	1.700
28	Bơm tiêm nhựa 3ml + kim 26G x 1/2	Bơm tiêm 3ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, cỡ kim 26Gx1/2". không chứa DEHP, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995	cây	5.000
29	Lưỡi dao mổ số 11	Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng tia gamma.	Cái	5.600
30	Lưỡi dao mổ số 15	Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng tia gamma.	Cái	1.200
31	Lưỡi dao mổ số 20	Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng tia gamma.	Cái	6.300

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
32	Bộ tiêm chích thận nhân tạo	Bao gồm: Khăn chống thấm 40cm x 60cm: 01 cái. Gạc lót đốc kim: 3.5cm x 5cm x 4 lớp: 2 cái. Gạc phẫu thuật không dệt: 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp: 4 cái. Bông cuộn: 2cm x 2cm: 2 cái. Tiệt trùng.	Bộ/1 cái	24.000
33	Dây lọc máu - Hệ thống dây dẫn trong lọc máu định kỳ (thận nhân tạo)	Dùng dẫn truyền máu, kết nối với quả lọc thận trong quá trình chạy thận. Phù hợp với hầu hết loại máy chạy thận nhân tạo. Chất liệu: nhựa dùng trong y tế, mềm mại, không sinh nhiệt, Non pyrogenic. Không chứa các chất độc tố: Latex và DEHP. Thành phần chính của bộ dây: Dây động mạch có túi bảo thay đổi áp lực máu (pillow): 01 sợi. Dây tĩnh mạch: 01 sợi. Dây truyền dịch: 01 sợi. Bảo vệ cảm biến (transduser): 01 cái. Túi xả: 01 túi. Kích thước dây bơm: 8x12x400mm. Kích thước bầu giọt: Đường kính: 19-30mm. Chiều dài: 130mm. Đóng gói riêng từng túi. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bộ 1sợi	20.000
34	Kim lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Kim lọc máu chạy thận nhân tạo 16G; 17G x 25mm, có dây dài khoảng 30cm, được phủ silicone, 1 cánh mã màu giúp phân biệt kích thước kim, loại cánh xoay, 1 kẹp khóa, 1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận. 1 khe hở (backeye) ngay đầu kim, ngăn chặn bất ổn và tổn thương mô, có điểm đánh dấu mặt vát kim. Tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cây	48.400
35	Nẹp gân tay duỗi (T), (P) các cỡ	Dùng sau phẫu thuật khâu nối gân duỗi. Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, các cỡ.	Cái	35
36	Nẹp gân tay gấp (T), (P) các cỡ	Dùng sau phẫu thuật khâu nối gân gấp. Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, các cỡ.	Cái	17
37	Nẹp cẳng tay bằng vải (T), (P) các cỡ	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm, các cỡ.	Cái	335
38	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái (T),(P) các cỡ	Chức năng: giữ cố định cổ tay và ngón tay cái. Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm, các cỡ	Cây	45
39	Nẹp cánh cẳng tay (T), (P) các cỡ	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 45-65cm, các cỡ.	Cây	45

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
40	Nẹp cổ cứng các cỡ	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập, các cỡ	Cái	70
41	Nẹp cột sống thắt lưng bằng vải các cỡ	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi. Dự phòng tổn thương cột sống thắt lưng, các cỡ.	Cái	250
42	Nẹp đùi (zimmer) các cỡ	Nẹp đùi dài. Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập. Các cỡ	Cái	670
43	Nẹp vải cẳng bàn chân các cỡ	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 30 - 35cm, các cỡ	Cái	420
44	Nẹp đùi bàn chân chống xoay các cỡ	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm, các cỡ	Cái	60
45	Nẹp hơi cổ chân (T), (P) các cỡ	Chức năng: Hỗ trợ sau mổ, sau bó bột đầu dưới hai xương cẳng chân. Vật liệu: Nhựa dẻo, túi hơi, khóa Velcro, các cỡ	Cái	50
46	Nẹp Iselin 25 cm	Chất liệu bằng nhôm có dán mút mềm, dài 25cm	Cái	420
47	Nẹp ngón tay 3 chân	Hợp kim nhôm, dễ uốn cong, lớp xốp mềm thoáng khí. Chiều dài 16cm, chiều rộng 1,5 cm	cái	420
48	Đai desault các cỡ	Cố định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khoá Velcro, các cỡ.	Cái	250
49	Đai xương đòn các cỡ	Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro, các cỡ	Cái	335
50	Vít 2.0	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	170

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
51	Vit xương cứng 3.5 x 30mm	Chất liệu hợp kim titan TC4, đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.7, đầu vít hình lục giác hoặc ngôi sao, thân vít toàn ren, vít tương thích với các lỗ bắt vít thường của các nẹp khóa titanium dùng cho chi trên và chi dưới, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	935
52	Đinh Kischner các số	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6/2.0/2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cây	250
53	Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo	Áp dụng cho cả phương pháp phẫu thuật cắt túi sa trực tràng qua ngã hậu môn (STARR) và phương pháp cắt trĩ Longo (PPH). - Chiều cao chân kim mở: 4,5 mm. - Chiều rộng kim mở: 4.mm - Đường kính kim : 0,29mm - Điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 0,8 - 2,0 mm. - Kim đóng hình dạnh chữ "B". - Số lượng kim : 34 kim. - Chất liệu kim làm bằng hợp kim Titanium. - Đường kính ngoài dụng cụ: 34mm - Đường kính (trong) dao cắt vòng : 26mm. - Chất liệu dao làm bằng thép không gỉ. - Số vòng kim: 2; - Đường kính dụng cụ banh hậu môn : 36mm - Đường kính dụng cụ banh khâu trĩ : 33mm - Đường kính dụng cụ nong hậu môn : 30mm. - Hạn sử dụng sản phẩm: 5 năm. - Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; CE và FDA của Mỹ	Cái	210

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
54	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật	Lưới Polypropylen sợi đơn, không tiêu, cỡ 10cm x 15cm; lưới trong suốt, tương thích sinh học cao, có thể cắt theo nhu cầu; đường kính sợi: 0.15mm; độ dày: 0.55 mm; trọng lượng: 90g/m2; áp lực bung lưới: ≥ 9.5kg/cm2; kích thước lỗ: 1.0 x 1.5 mm (ngang x dọc); vô trùng. TCCL ISO 13485, xuất xứ G7.	Miếng	125
55	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật	Lưới Polypropylen sợi đơn, không tiêu, cỡ 6cm x 11cm; lưới trong suốt, tương thích sinh học cao, có thể cắt theo nhu cầu; đường kính sợi: 0.15mm; độ dày: 0.55 mm; trọng lượng: 90g/m2; áp lực bung lưới: ≥ 9.5kg/cm2; kích thước lỗ: 1.0 x 1.5 mm (ngang x dọc); vô trùng. TCCL ISO 13485, xuất xứ G7	Miếng	170
56	Bóng bóp dùng trong gây mê các cỡ	Vật liệu: Polychloroprene, không latex, không DEHP; sử dụng 1 lần; co nối tiêu chuẩn 22mm; kích thước: 0,5L, 1L, 2L, 3L; Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	42
57	Bóp bóng sơ sinh	Thành phần: 1 bóp bóng bằng PVC 280ml cho sơ sinh. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 1600ml cho trẻ em và sơ sinh. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 40 cmH2O cho sơ sinh là 40cmH2O. Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Bộ/1 cái	46
58	Bóp bóng TE	Thành phần: 1 bóp bóng bằng PVC 680ml cho trẻ em. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 1600ml cho trẻ em. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 40cmH2O cho trẻ em và sơ sinh. Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Bộ/1 cái	3

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
59	Bóp bóng Người lớn	Thành phần: 1 bóp bóng bằng PVC 1650ml cho người lớn. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 60 cmH2O cho người lớn. Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Bộ/1 cái	196
60	Mask gây mê các số	Mặt nạ gây mê PVC có van Horizontal, không chứa latex, không DEHP; khớp nối mặt nạ có đường kính tiêu chuẩn 22/15mm; mã hóa màu theo size; có các size: 0, 1 , 2, 3, 4, 5, 6 sử dụng cho người lớn, trẻ em, trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh tương đương với các kích cỡ chiều dài tương đương: 45mm, 55mm, 65mm, 75mm , 90mm, 100mm, 102mm	Cái	35
61	Mask khí dung các cỡ	Cấu tạo gồm: đầu nối, Ống dây oxy PVC, đầu nối mặt nạ, Mặt nạ PVC, Kẹp mũi, Dây thun.Vật liệu: không có chứa DEHP, trơn láng, không gây tổn thương, không kích ứng. Cốc chứa thuốc: 6ml. Kích cỡ mặt nạ: người lớn XL (130mm - 66mm), người lớn (110mm - 61mm), trẻ em (95mm - 52mm), Sơ sinh. (80mm - 45mm). Dây oxy dài 2000mm , đường kính dây 5.5mm	Bộ/1 cái	3.500
62	Mask oxy nồng độ cao người lớn các cỡ	Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC không DEHP. Dây dẫn có chiều dài≥ 2 m, túi oxy bag. TC: CE; ISO13485. kích cỡ cho người lớn	Cái	1.000
63	Mask oxy nồng độ cao TE	Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC không DEHP. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, túi oxy bag. TC: CE; ISO13485. Kích cỡ cho trẻ em	Cái	95
64	Mask oxy nồng độ cao sơ sinh	Chất liệu: PVC y tế không DEHP. Cung cấp oxy nồng độ cao 90% - 100% tại cường độ 6l/ph. Dây oxy dài ≥ 2m ± 5%, đường kính 5,5 mm. Kích cỡ cho trẻ sơ sinh , túi Oxy có thể tích 1000ml	Cái	8

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
65	Sonde oxy 2 lỗ người lớn	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO. Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc. Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. Dây dẫn có chiều dài 2 m, lòng ống có khía chống gập.	Cái	7.950
66	Sonde oxy 2 lỗ sơ sinh 02 râu dài	Dây oxy 2 nhánh, đầu mũi rất mềm, thiết kế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh, trẻ em; vật liệu PVC y tế; có lựa chọn đầu nối Luer slip và luer lock; lòng ống hình sao đảm bảo cung cấp oxy khi ống bị xoắn; chiều dài ≥7ft(tương đương ≥200cm)	Cái	500
67	Sonde oxy 2 lỗ trẻ em	Dây oxy 2 nhánh, đầu mũi rất mềm, thiết kế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh, trẻ em. Vật liệu PVC y tế. Có lựa chọn đầu nối Luer slip và luer lock. Lòng ống hình sao đảm bảo cung cấp oxy khi ống bị xoắn. Chiều dài ≥7ft (tương đương ≥200 cm)	Cái	208
68	Sonde oxy 1 lỗ các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm có chiều dài 400 mm, có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống, một đầu được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho bệnh nhân. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - 2003	Cái	1.670
69	Ống dẫn lưu màng phổi các số	Thích hợp cho việc dẫn lưu liên sườn sau phẫu thuật tim mạch. Đầu xa open với lỗ to giúp thoát nước tối đa từ ngực. Đường màu xanh lá đậm để cản quang, phát hiện dưới tia X. Đầu nối rộng có kích thước phù hợp giúp kết nối. dễ dàng với bình dẫn lưu thoát nước.Catheter được đánh dấu cách nhau 2 cm để xác định vị trí. Kích cỡ: 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36 FG, chiều dài 450mm. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	85
70	Ống nội khí quản có bóng chèn các số	Ống nội khí quản vật liệu không chứa DEHP, có bóng thể tích lớn áp lực thấp, các cỡ từ 3.0 - 10mm, chiều dài ống 160 - 320mm, với vạch đánh dấu rõ giúp đặt tiện lợi. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	3.055

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
71	Ống nội khí quản không bóng chèn các số	Chất liệu PVC trong suốt không độc hại, không dị ứng.Chống gẫy gập, thành ống mỏng, ống nhạy cảm nhiệt, mềm ở nhiệt độ cơ thể, thân ống trơn. Lỗ (mắt) murphy nhẵn mịn. Có đường cản quang, và vạch đánh dấu giúp xác định vị trí chèn ống. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Đầu ống vát 38 độ mềm mịn, các số 2.5mm- 5.0mm. Bước nhảy mỗi size 0.5mm. tiệt trùng ETO. Không pyrogenic. TC ISO, CE.	Cái	30
72	Ống nối nội khí quản	Ống nối dây máy thở co giãn vật liệu PP - EVA, Tổng chiều dài 20cm, chiều dài ống 15cm. Co nối xoay kép, xoay 360 độ, có cổng hút dịch có nắp đậy; đầu nối với bệnh nhân 15F/22M. Đầu nối dây thở 22F. Tiêu chuẩn ISO	Cái	1.295
73	Canule mở khí quản bằng nhựa các số	Chất liệu nhựa PVC, 100% không latex. Có bóng thể tích lớn áp lực thấp, cong 90 độ. Có đủ các cỡ từ 5.0 đến 9.0, OD từ 6.7mm đến 12.0mm, đường kính bóng 16.0mm đến 21.0mm, chiều dài 62mm đến 102mm. Đóng gói tiệt trùng EO	Cái	45
74	Airway các cỡ	Dụng cụ chống cắn lưỡi các số; vật liệu PE và PP, không DEHP; mã hóa màu theo từng kích cỡ; tiệt trùng bằng E.O; các cỡ: Chiều dài 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 80mm,90mm, 100mm, 110mm, 120mm. Đường kính trong 3mm,3,5mm,4mm, 4,5mm, 5mm, 5,5mm. Đóng gói riêng từng cái	Cái	3.835
75	Sonde dạ dày các số không nắp (đầu nối được với bơm 50 cho ăn)	Ống thông dạ dày các số từ số 12 trở lên không có nắp. Dây dẫn dài 120cm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Nguyên liệu: Nhựa PP, PVC nguyên sinh không độc, không chứa DEHP, được phép sử dụng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO; Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái	1.760
76	Sonde dạ dày các số có nắp.	Vật liệu PVC y tế, không độc hại; đầu xa hình nón với 4 mắt bên để thoát nước; đầu nối hình phiễu; vạch đánh dấu 45, 55, 65,75 cm. Có đường cản quan giúp xác định vị trí đặt chính xác. Kích cỡ: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20 FG, tổng chiều dài 125cm. Có mã hóa màu sắc theo kích cỡ. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	70

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
77	Sonde Rectal các số	Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gần kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước Ống dài ≥400mm với các size: 12FG-14FG-16FG-18FG-20FG-22FG-24FG-26FG-28FG; Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	345
78	Sonde thông tiểu 1 nhánh các số	Ống thông tiểu niệu đạo ngắn hạn cho nam giới. Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả. Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng xác định kích thước. Chiều dài: 40cm. Kích thước từ số 8 đến số 24. Tiệt trùng bằng khí EO. TCCL: ISO, CE.	Cái	1.360
79	Sonde thông tiểu 2 nhánh các số (có tráng Silicon trong lồng ống)	Chất liệu: Cao su thiên nhiên. Thân ống phủ Silicon. Tiệt trùng. Các số: 12; 14; 16; 18; 20; 22; 30 từ số 16 trở lên có bóng 30ml	Cái	5.835
80	Sonde thông tiểu 3 nhánh (có tráng Silicon trong lồng ống) các số 16FR-24FR	Ống thông tiểu foley 3 nhánh dùng để thông tiểu ngắn hạn. Được làm từ nhựa cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Phủ silicone đàn hồi, bề mặt nhẵn mịn giúp đặt ống không chấn thương. Hai lỗ bên mềm mại, bóng đàn hồi siêu mỏng, có van một chiều ngăn vấn đề bóng tự phồng, tự xì hơi. Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. Mã hoá màu theo size. Thể tích bóng từ 15cc-30cc (14Fr); 30cc-50cc (16, 18, 20, 22, 24 & 26 Fr). Đóng gói riêng lẻ. Vô trùng bằng EO.	Cái	45
81	Ống thông niệu quản (Sonde Double J) các số	Ống thông niệu quản, dạng cơ bản, hai đầu xoắn, hai đầu hình chữ J, có 02 vòng xoắn trên mỗi đầu chữ J. Các kích thước: 6,0Fr- 26cm; 7,0Fr-26cm. Có thể thích nghi trong cơ thể con người tối thiểu 30 ngày và không quá 3 tháng. Tiêu chuẩn: FDA.	Cái	335

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
82	Túi đựng nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. Thể tích 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Có băng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu ≤ 25ml. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. Thân túi có băng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. tiệt trùng	Gói/bộ	6.250
83	Túi hậu môn nhân tạo	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, túi mềm, dai đường hàn chắc chắn. Lớp giấy bảo vệ: giấy decal có keo dính. Kích thước: 140 x 250 mm ± 10. Kích cỡ Φ 45, Φ 60. Miệng túi: Φ 45mm, 60mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001.	Túi	85
84	Máy đo HA trẻ em (loại trung)	Máy đo HA trẻ em (trẻ 6 - 15 tuổi) dạng dán quấn quanh bắp tay, Dải vòng bao tay từ: 12-16 cm, có ống nghe tim phổi, cơ học.	Cái	5
85	Dây garo	Chất liệu: Sợi Polyester và sợi cao su. Dài ≥ 30 cm, khóa velcro (băng nhám dính)	Sợi	835
86	Đè lưỡi cây tiệt trùng	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,	Cây	66.670
87	Lưỡi cắt đốt nội soi tiền liệt tuyến	Điện cực vòng đơn cực - Được sử dụng trong phẫu thuật cắt u xơ tuyến tiền liệt qua niệu đạo - Dạng vòng cắt, 2 chân - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	cái	8
88	Kiềm sinh thiết nội soi đại tràng	Kềm sinh thiết dùng cho đại tràng; sử dụng 1 lần; đường kính thân kềm: 2.3mm; chiều dài làm việc: 2000 mm; không vỏ; lấy mô theo dạng dây kéo thép; đầu kềm sinh thiết có chức năng xoay theo hướng mô; sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.8 mm.	Cây	17
89	Kiềm sinh thiết nội soi dạ dày	Kềm sinh thiết dùng cho nội soi dạ dày tá tràng qua đường mũi; sử dụng 1 lần; đường kính thân kềm: 1.8mm; chiều dài làm việc: 1600 mm; không vỏ; lấy mô theo dạng dây kéo thép; đầu kềm sinh thiết có chức năng xoay theo hướng mô; sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.0 mm.	Cây	17

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
90	Ngán miệng dùng cho nội soi dạ dày đường miệng	Ngán miệng người lớn sử dụng 1 lần, có dây choàng, kích thước 20x26mm	cái	17
91	Lọ hút đàm kín để cấy đàm	Lọ lấy mẫu đàm, đóng gói tiệt trùng EO, không latex, không DEHP, gồm: 1 dây hút dịch loại trẻ em 8FG, 10FG x 32cm, loại người lớn 12FG, 14FGx 55cm. Dây có 3 lỗ hút, (2 lỗ nằm ở mặt bên), để tối đa hóa lượng dịch được hút và giảm nguy cơ tắc nghẽn. 1 dây nối dài ≥ 47cm, đầu nối có van nhấn, để kết nối với máy hút. 1 lọ đựng≥ 25ml có vạch chia thể tích, 1 nắp đậy để đóng và bảo quản mẫu. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, vô trùng.	bộ	420
92	Bộ hút đàm kín có màng lọc hai cổng các cỡ	Bộ hút đàm kín sử dụng 72h với van rửa tự động:. Đặc biệt có tới 2 van: 1 van chân không (Vacuum Valve) tự động súc rửa và 1 van một chiều. Catheter nguyên liệu không chứa DEHP, vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín. Có 1 ống nối nội khí quản và 1 nắp đậy 2 trong 1 đi kèm, giúp kết nối hoặc tháo lắp dễ dàng, tiện lợi. Mã hóa màu theo các cỡ: 5/6/8/10/12/14/16 FG, OD = 1.7/2/2.7/3.3/4.0/4.7/5.3 mm, chiều dài 30/45/45/45/55/55/55cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE.	Bộ/1 cái	835
93	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn (bộ dây dẫn truyền cảm ứng động mạch một đường)	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường 2 trong 1 với dây nối phụ, loại cho trẻ em,người lớn. Thông số cảm biến: Bảo vệ quá áp 6464mmHg, thời gian hoạt động: 168 giờ. Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP. Dây đo ID=1.6mm, OD=3.2mm, gồm 2 đoạn: đoạn chính (màu đỏ) dài 180cm và đoạn dây nối phụ (màu xanh) dài 150cm. Dây chính kèm 2 khóa 4 ngã. Dây truyền dịch ID=2.9mm, OD= 4.1mm, dài 180cm, buồng nhỏ giọt 60mm, màng lọc 15micron.Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1%. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: ± 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms, độ trễ tại 0 ≤ 2mmHg/8 giờ. Cung cấp cáp nối tương thích với monitor hãng GE model B125 mà bệnh viện đang sử dụng. Đóng gói tiệt trùng EO. Chứng chỉ ISO, FDA hoặc FDA 510k . Tiêu chuẩn kỹ thuật có thể tương đương hoặc tốt hơn	Bộ/1 Gói	45

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
94	Catheter động mạch quay	Kích cỡ: 20G dài 4.5cm hoặc 8cm (đặc biệt cỡ 20G x 4.5cm chuyên dụng đặt đường quay). Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu. Tốc độ dòng: 20G x 4.5cm (≥23ml/phút), 20G x 8cm (≥18ml/phút). Đóng gói đầy đủ phụ kiện. +Guide wire đầu thẳng 0.021"x 20cm luồn sẵn trong catheter; Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm; Bơm tiêm 2.5cc; Đóng gói tiệt trùng EO. Chứng chỉ ISO, FDA hoặc FDA 510k	1 Bộ/ Gói	45
95	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng: G16, G18, G18. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây điện cực để đo ECG. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. xuất xứ G7. Tiêu chuẩn kỹ thuật có thể tương đương hoặc tốt hơn	Bộ/ 1 Gói	45
96	Đai kim loại	Thép không gỉ, mềm dẻo, dày 0.0015", ngang 0.5, dài 65mm	miếng	25
97	Giữ khuôn kim loại	Dụng cụ giữ khuôn trám răng, chiều dài 65mm, dạng thanh - Vật liệu thép không gỉ - Công nghệ xử lý bề mặt cao cấp không mạ - Hấp sấy được ở nhiệt độ cao 134°C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cây	8
98	Dầu xịt tay khoan	Sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và motor hơi.	Chai 550ml	45

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
99	Kim tê nha ngắn 27G 13/16	Kim tiêm nha khoa dùng một lần, tiệt trùng bằng khí EO. - Phủ silicon giúp dễ dàng xuyên thấu và đảm bảo vô trùng. - Chuôi nhựa có vạch định hướng lưỡi vát ba cạnh của kim, giúp kiểm soát hướng tiêm tối ưu và giảm đau khi đưa kim vào. - Ống kim thành mỏng Pearl Ject Free Flow giúp giảm áp lực khi tiêm. - Kích cỡ: 27GS (0.4x21mm). Hộp/ 100 cái. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA, CFS.	Cây	26.670
100	Giấy cắn nha khoa	Giấy cắn có màu xanh và đỏ dùng để đánh dấu tình trạng khớp cắn của răng tự nhiên, răng giả và các loại phục hình khác.	Xấp	90
101	Miếng dán cố định kim luồn	Băng Polyurethane (P.U) 6.7cm x 10cm hình oval, không chứa Latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng. Độ bền kéo≥ 2.0kg/12mm , đường xé rãnh 7mm x 25mm chuyên dùng cố định kim luồn. Phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng E.O	Miếng	4.200
102	Băng cá nhân tiệt trùng (19mm x 60mm)	Chất liệu vải đàn hồi (viscose 70%, polyamide 30%). Phủ keo Acrylic 140mg, độ dính 520g/12mm ± 30g. Gạc 20mm x 10mm thấm hút, phủ lớp chống dính polyethylene (HDPE) độ dày 0.1-0.15mm, định lượng 12-18g/m2, được tẩm benzalkonium chloride. Giấy lót silicone bảo vệ keo dày 0.06 ± 10%, lực bóc 5-20gf/25mm. Có kiểm tra vi sinh. Kích thước 60mm x 19mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CFS, TCCS 07:2016/YC.	Miếng	125.000
103	Băng keo dán 50 x 70 mm	Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m2, 50% viscose + 50% polyester. Lớp keo: Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa. Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh, pH trung tính, trọng lượng 200 ± 10% g/m2: Màng PE, Viscose + Polyester. Khả năng thấm hút : ≥ 680%. Giấy lót phủ silicone 62 ± 5g/m2. Tiệt trùng bằng EO. Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV. Hãng SX Zhende/ Laboratoire Sylamed - Trung Quốc/ Pháp	Miếng	12.150

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
104	Băng keo lụa dùng trong y tế 2,5cm x 5 m	-Nền : Vải dệt từ cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19.0 ± 0.5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/sqm. Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 gsm, lực dính 1,8-5,5 N/cm. Dễ xé, không bị tưa vải khi xé, dính tốt, không bị sót keo khi tháo băng. Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / EN ISO 11737-1. Chứng nhận MD 92825 - BSI , CE.	Cuộn	24.024
105	Băng cuộn 0,07m x 1,5m	Chất liệu sợi cotton 100% màu trắng không hồ, không sử dụng chất nhuộm màu, không mùi vị, không lẫn tạp chất, kích thước 0,07 x 1,5m. TCCL: CE	Cuộn	6.250
106	Băng bột bó xương 7,5 cm x 2,7 m	Được làm từ bột thạch cao nguyên chất có chất lượng tốt,độ tinh khiết cao. Thời gian đông kết nhanh, tạo ra khung định hình nhẹ và chắc chắn, độ cứng tốt trên 3 tuần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13585 và FDA	Cuộn	3.360
107	Băng bột bó xương 10 cm x 2,7 m	Được làm từ bột thạch cao nguyên chất có chất lượng tốt,độ tinh khiết cao. Thời gian đông kết nhanh, tạo ra khung định hình nhẹ và chắc chắn, độ cứng tốt trên 3 tuần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13585 và FDA	Cuộn	5.040
108	Băng bột bó xương 15cm x 2,7m	Được làm từ bột thạch cao nguyên chất có chất lượng tốt,độ tinh khiết cao. Thời gian đông kết nhanh, tạo ra khung định hình nhẹ và chắc chắn, độ cứng tốt trên 3 tuần. Đạt ISO 13585 và FDA	Cuộn	4.200
109	Băng keo chỉ thị hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 1,2cm x 55mm với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132-134 độ C. Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%. tương đương hoặc tốt hơn. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016	Cuộn	50
110	Giấy y tế	Giấy y tế dùng lót, lau trong y tế, thấm hút tốt, không tơi, rã kích thước: 25cm x 40cm; 40cm x 50cm	Kg	445

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
111	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mềm 1 mảnh	1.Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngậm nước >= 26% 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.5; ABBE >= 57 5. Thiết kế: - Càng dạng phiến hoặc 4 điểm cố định; - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 3 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ -0.1 µm đến 0 µm 7. Đường kính tổng thuỷ tinh thể nhân tạo: 10.5mm - 11mm 8. Đường kính optic: 5.0 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: =< 2.2 mm 10. Dải công suất tối thiểu: từ -8.0D đến +38.0D. - Từ -8.0D đến +38.0D bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính 12. Xuất xứ: G7	Cái	500
112	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mềm 1 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngậm nước ≥ 26%. - Thiết kế phi cầu mặt trước. Cầu sai trung tính SA ≥ 0. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau 360 ° mặt sau kính - Lọc tia UV. Lọc ánh sáng xanh. Góc càng ≥ 0°. Càng chữ C. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12,5mm - 13,0mm. - Hằng số A ≥ 118.4 - Chỉ số ABBE ≥ 56. - Chỉ số khúc xạ n: 1,46 - 1,55 - Dãy diop từ -20 D đến +60 D. - Vết mổ nhỏ 2,2 mm.Dụng cụ đặt kính đi kèm Xuất xứ G7	Cái	670
113	Anti Hbs test nhanh	Phát hiện định tính sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu ≥ 99,9%. Độ chính xác ≥ 99,85%. Hạn dùng: 24 tháng.	Test	200

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
114	Anti HCV	Định tính sự có mặt của HCV (kháng thể virus viêm gan C) trong huyết thanh/huyết tương người. Thành phần: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp và protein đối chứng. Độ chính xác ≥ 99,8%; Độ nhạy ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu ≥ 99,8%. Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1:500 mẫu dương tính với HCV (OD: 0.356). Đọc kết quả sau 5 phút	Test	12.500
115	HbsAg test nhanh	Định tính phát hiện sự có mặt của HBsAg (kháng nguyên bề mặt virus Viêm gan B) trong huyết thanh/huyết tương người. Thành phần: Kháng thể kháng HBsAg và kháng thể kháng thỏ; hệ keo liên hợp IgG thỏ và kháng thể đơn dòng kháng HBsAg. Độ chính xác ≥ 99,8%; Độ nhạy ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu ≥ 99,7%. Ngưỡng phát hiện: 0,5 ng/ml. Đọc kết quả sau 20 phút	Test	12.500
116	HIV Ag/Ab test nhanh	Định tính sự có mặt của kháng thể virus HIV-1 &HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Phát hiện tất cả các loại kháng thể (IgM/IgG/IgA) kháng GP-41/GP-120 đối với HIV-1 và kháng GP-36 đối với HIV-2. Thành phần: Protein tái tổ hợp (GP-41 & GP-120) của HIV-1 & (GP-36) của HIV-2 phủ trên màng và hệ keo liên hợp vàng. Độ nhạy ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu ≥ 99,7%; Độ chính xác ≥ 99,8%. Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1:500 mẫu dương tính với HIV (OD: 0.350). Đọc kết quả sau 20 phút	Test	12.500
117	Test thử Syphylis	Định tính kháng thể (IgG, IgM, IgA) của bệnh giang mai/Treponema pallidum (TP) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: Kháng nguyên vi khuẩn giang mai ở vùng thử T; kháng thể IgG kháng chuột ở vùng chứng C. Độ nhạy ≥ 99,9%; Độ đặc hiệu ≥ 99,5%; Độ chính xác ≥ 99,5% Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1:500 mẫu dương tính với giang mai (OD: 0.343). Đọc kết quả sau 15-20 phút	Test	6.250
118	Test thử sốt xuất huyết	Định tính kháng nguyên sốt xuất huyết Dengue NS1 trong huyết thanh/huyết tương người. Thành phần: Kháng thể kháng sốt xuất huyết NS1 ở vùng T và kháng thể dê IgG kháng thỏ ở vùng đối chứng C. Độ nhạy ≥ 98%; Độ đặc hiệu ≥ 99%; Độ chính xác ≥ 99,3%. Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1:500 mẫu dương tính với kháng nguyên NS1 sốt xuất huyết (OD: 0.368). Đọc kết quả trong khoảng 5-20 phút	Test	4.200
119	Test thử gây nghiện AMP strip - Trueline (Amphetamine)	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Amphetamine (Ma túy tổng hợp) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 1000 ng/ml. Độ nhạy ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu ≥ 99,6%. Đọc kết quả trong vòng 1 – 5 phút.	Test	4.000

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
120	Test thử gây nghiện MET strip - Trueline (Methamphetamine)	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Methamphetamine (Ma túy đá) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 500 ng/ml. Độ nhạy ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu ≥ 99,6%. Đọc kết quả trong vòng 1 – 5 phút.	Test	4.000
121	Test thử gây nghiện THC strip - Trueline (Marijuana: Bồ đà / Cần sa)	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện THC (Bồ đà) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 50 ng/ml. Độ nhạy ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu ≥ 99,6%. Đọc kết quả trong vòng 1 – 5 phút.	Test	4.000
122	Test thử gây nghiện Morphin	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu ≥ 99,6%. Đọc kết quả trong vòng 1 – 5 phút.	Test	4.000
123	Helicobacter Pylori test nhanh	Định tính phát hiện sự có mặt kháng thể H. pylori (IgM/IgG/IgA) trong huyết thanh/huyết tương người. Thành phần: Màng nitrocellulose được phủ kháng nguyên đặc hiệu H.pylori và kháng thể IgG kháng thỏ của dê cùng với hệ keo liên hợp vàng của kháng nguyên đặc hiệu H.pylori và IgG thỏ. Độ chính xác ≥ 91,8%; Độ nhạy ≥ 91%; Độ đặc hiệu ≥ 92,7%. Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1: 500 mẫu dương tính với Hp (OD: 0.349). Đọc kết quả sau 20 phút	Test	700
124	Pylori test	Phát hiện nhanh Helicobacter pylori dùng trong nội soi dạ dày. Mẫu bệnh phẩm: màng nhầy dạ dày, mẫu sinh thiết nội soi, môi trường nuôi cấy vi khuẩn Helicobacter pylori. Độ nhạy ≥ 96 %; Độ đặc hiệu ≥ 98%; Độ chính xác ≥ 91%. Thời gian đọc kết quả: < 60 phút. Màu sắc: Mẫu có sự hiện diện của vi khuẩn Helicobacter pylori môi trường sẽ chuyển màu hồng sau khi ủ. Hộp gồm 50 tube rời, chứa 0,8mL môi trường thạch. Thành phần: Urea, Peptone, Glucose, Sodium chloride, Disodium phosphate, Potassium dihydrogen phosphate, Phenol red, Agar. pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	Test	3.750
125	Bộ nhuộm gram	Gồm 4 dung dịch thuốc nhuộm, thành phần: crystal violet, lugol, alcohol, safranine.	Bộ/ 4x100ml	7
126	Đĩa nuôi cấy vi sinh Muelle-Hinton-agar (MHA)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc. Thành phần: Beet Extract 48mg, Acid hydrolysate of Casein 0,42g, Starch 36mg, Agar 0,4g. Nước cất 24ml.	Đĩa	340

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
127	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (thạch nâu có bổ sung XV và các yếu tố dinh dưỡng khác)	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc. Thành phần: Peptone 0,552g, Corn starch 24mg, Sodium chloride 0,12g, Agar 0,36g. Máu ngựa 1,6ml.	Đĩa	1.250
128	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (Thạch Salmonella-Shigella)	Dùng nuôi cấy chọn lọc sư dung cho phân lập Salmonella và một số Shigella trong bệnh phẩm. Thành phần: Beef extract, Peptic Digest, Lactose, Sodium chloride, Sodium desoxycholate, Sodium thiosulphate, Ferric citrate, Neutral red, Casein hydrolysate, Agar.	Đĩa	40
129	Huyết tương thỏ đông khô	Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus. Đọc kết quả: 4,6,12 giờ. Bảo quản: (-20)-8°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Lọ	90
130	Amox/A.Clav 20/10 ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	170
131	Amikacin 30ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
132	Cefoperazon/ Sulbactam	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
133	Cefotaxim 30ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
134	Ceftazidim 30 ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
135	Ceftriaxon 30ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
136	Cefuroxim 30ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
137	Ciprofloxacin 5ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
138	Picarcillin/clavulanic acid	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90
139	Gentamycin10ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	170
140	Imipenem 10ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	170
141	Meropenem 10ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	170
142	Levofloxacin 5ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	90

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
143	Ofloxacin 5ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
144	Colistin 10ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
145	Vancomycin	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
146	Erythromycin 15 ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
147	Oxacillin 1ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
148	Penicillin 6ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
149	Azithromycin 15ug	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
150	Taxo A	Đĩa kháng sinh	Đĩa	20
151	Novobiocin	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
152	Polymyxin B	Đĩa kháng sinh	Đĩa	50
153	Ticarcilin/ Clavulanic acid	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	Đĩa	90
154	Đĩa Optochin	Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin	Đĩa	20
155	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (BA 90)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt đươc 3 kiểu hình tiêu huyết (α, ß, g) của Streptococcus. Thành phần: Peptone 0,552g, Corn starch 24mg, Sodium chloride 0,12g, Agar 0,36g. Máu cừu 1,6ml., Nước cất.	Đĩa	5.000
156	Kliggler Iron Agar (KIA)	Tube thủy tinh có nắp vặn chặt có chứa 5ml môi trường. Dùng để thực hiện thư nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ moc.	Tube/5ml	20
157	Môi trường BHI 2 Phase	Chai nhựa nắp vặn chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 35 ml BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mặt thạch phẳng 15 ml BHI. Cấy phân lập các vi khuẩn hiếu khí (kể cả vi khuẩn khó mọc) tư bệnh phẩm máu (cấy máu).	Chai/50 ml	1.250

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
158	Môi trường MC	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Thành phần: Pancreatic digest of gelatin 0,4g, Peptones 72mg, Sodium chloride 0,12g, Lactose 0,24g, Bile salts 36mg, Neutral red 0,72mgl, Crystal violet 0,024mg, Agar 0,4g.	Đĩa	5.000
159	Bộ kít định danh vi khuẩn gam âm	Bộ định danh IVD NK-IDS 14GNR là một hệ thống gồm 14 thư nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc.	Bộ/20 test	50
160	Môi trường Bile esculine	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng thủy giải esculin của vi khuẩn với sự hiện diện của bile để phân biệt Group D streptococcus với các nhóm streptococcus khác.	Lọ	10
161	NACL 6,5% (vi sinh)	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng dung nạp 6.5% sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus.	Lọ	8
162	MDL Sodium Chlorid Microbiology	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để pha huyền dịch vi khuẩn dùng cho định danh và kháng sinh đồ	Tube	90
163	Acid acetic (CH3COOH)	Đậm đặc nồng độ > 99,5%.	Lít	5
164	Thuốc thử Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. Thành phần Giemsa 0,5%.	ml	500
165	Chapman agar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Staphylococcus. Phân biệt khả năng lên men mannitol	Tube 5 ml	45
166	Dung dịch Formol	Dung dịch Formol 10%.	Lít	45
167	Cồn 70 độ	Tính chất: chất lỏng trong suốt không cặn không vẩn đục, mùi đặc trưng sản phẩm,hàm lượng ethanol 70%, Không màu, Tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	3.750

STT	Tên Thiết bị y tế và vật tư xét nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu	ĐVT	Số lượng
168	Cồn 90 độ	Thành phần: ≥90% ethanol, nước cất. Sản phẩm có dạng lỏng, màu trắng, mùi đặc trưng. Hàm lượng Methanol ≤ 1% thể tích. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 và ISO 22000	Lít	20
169	Cồn tuyệt đối	Thành phần: Cồn ≥99,5%, nước cất vừa đủ. Hàm lượng bay hơi Methanol Max 200ppm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 và ISO 22000	Lít	17
170	Kẹp sinh thiết dùng một lần	Kẹp sinh thiết dùng một lần, Đường kính ngoài của hàm: 2.3mm, dài 230cm, kiểu hàm dạng Răng cưa, Độ mở hàm: 8mm / Chiều dài hàm: 4mm	cái	2
Tổng cộng: 170 khoản				